

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 05 -02-2026.

V/v xác định cha cho con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức –Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Luân; Bà Phạm Thị Huệ .

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Hung Yên tham gia phiên toà: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8-Hung Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/ 2025 về việc xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐ HPT-ST ngày 22/01/2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

-Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn C, xã K, Thành phố Hải Phòng

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Cháu Phan Tùng A, sinh ngày 04/8/2025.

Người đại diện theo pháp luật của cháu A: Chị Phan Thị M, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, tỉnh Hưng Yên. (mẹ đẻ)

(Tại phiên tòa có mặt chị M; anh P có đơn xin xử án vắng mặt; vắng mặt anh L không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L là quan hệ vợ chồng, trong quá trình chung sống do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì vậy từ năm 2024 chị M đã sống ly thân với anh L. Trong thời gian sống ly thân chị đã gặp gỡ quen

biết anh Bùi Văn P làm cùng xưởng may. Giữa chị và anh P đã nảy sinh tình cảm dẫn đến chị mang thai con chung. Ngày 04/8/2025 chị đã sinh con chung với anh P tại bệnh viện Đ, thành phố Hà Nội đặt tên là Phan Tùng A. Quá trình chị mang thai và sinh cháu Phan Tùng A, anh L không biết. Tháng 3/2025 chị làm đơn khởi kiện ly hôn anh L, trong quá trình tố tụng chị M không khai cho Tòa án biết về việc chị mang thai cháu A. Vì vậy tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2025/HNGĐ-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên đã công nhận sự thỏa thuận giữa chị M và anh P thuận tình ly hôn, về con chung do chị M không khai báo vì vậy Quyết định của Tòa án không xem xét đến cháu A.

Để đảm bảo quyền lợi cho cháu A về việc làm giấy khai sinh cũng như mọi quyền lợi khác, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên xác định anh Bùi Văn P là bố đẻ của cháu A.

Đối với bị đơn là anh Bùi Văn P: Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2025 anh P trình bày: Bản thân anh chưa kết hôn, năm 2024 anh có quen biết với chị M khi cả hai làm cùng phân xưởng may tại Hải Phòng. Do tin tưởng chị M nói là đã ly hôn, vì vậy cả hai đã nảy sinh tình cảm. Khi chị M mang thai con chung, chị M đã thông báo cho anh biết. Ngày 04/8/2025 chị M sinh 01 bé trai đồng thời thông báo cho anh biết sự việc, hiện đã đặt tên là Phan Tùng A. Về yêu cầu khởi kiện của chị M, anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh không có căn cứ nào để xác định cháu A là con đẻ của anh và không có yêu cầu phản tố. Anh nhất trí yêu cầu của chị M về việc đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN giữa anh và cháu A để giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh nhận chịu toàn bộ chi phí giám định ADN, anh đã nộp đủ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh L biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh L vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh L.

Tại biên bản xác minh bà Đoàn Thị T - là mẹ đẻ anh L hiện cư trú tại thôn M, xã T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh L và chị M là quan hệ vợ chồng đã được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên giải quyết ly hôn vào tháng 3/2025, anh L hiện cư trú tại thôn M, xã T, anh L đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ. Anh L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và có ý kiến đề nghị giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự pháp luật. Đối với Đương sự trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M, tuyên bố anh Bùi Văn P là cha đẻ của cháu Phan Tùng A, sinh ngày 04/8/2025. Về án phí: chị M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh P tự nguyện nhận chịu tiền chi phí giám định, anh P đã nộp xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Phan Thị M khởi kiện xác định cha cho con, bị đơn có nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, xã K, Thành phố Hải Phòng và đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên là nơi giải quyết vụ kiện. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 8-Hung Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 28 và Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Trên cơ sở trình bày của các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn L là quan hệ vợ chồng. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì vậy từ năm 2024 chị M đã sống ly thân với anh L. Trong thời gian sống ly thân chị M đã gặp gỡ quen biết anh Bùi Văn P. Theo trình bày của anh P do tin tưởng chị M nói đã ly hôn, hai bên nảy sinh tình cảm dẫn đến chị M mang thai con chung. Ngày 04/8/2025 chị M đã sinh con chung với anh P tại bệnh viện Đ, thành phố Hà Nội, hiện đã đặt tên là Phan Tùng A. Quá trình mang thai cháu A, anh L không biết. Tháng 3/2025 chị M làm đơn khởi kiện ly hôn anh L, trong quá trình tố tụng chị M không khai cho Tòa án biết về việc chị mang thai cháu A. Vì vậy tại Quyết Định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2025/HNGĐ-ST ngày 20/3/2025 Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã công nhận sự thỏa thuận giữa chị M và anh L thuận tình ly hôn, về việc chị mang thai cháu A do chị M không khai báo vì vậy Quyết định của Tòa án không xem xét đến cháu A.

Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện xác định cha cho con, chị M đã làm đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định ADN giữa anh P với cháu A. Ngày

03/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định phân tích ADN để xác định huyết thống giữa anh P, chị M với cháu A làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiếu kết quả phân tích ADN ngày 09/12/2025 của Công ty TNHH C, địa chỉ: Tầng A, tòa nhà A, H, phường N, thành phố Hà Nội đã kết luận: Anh Bùi Văn P, sinh ngày 25/9/1985 có quan hệ huyết thống cha - con với cháu Phan Tùng A, sinh ngày 04/8/2025. Chị Phan Thị M có quan hệ huyết thống mẹ -con với cháu Phan Tùng A.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M yêu cầu xác định anh P là cha đẻ của cháu A để đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật cho anh P và cháu A là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]*Về án phí*: Việc khởi kiện “Xác định cha cho con” của chị M được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

-Về chi phí giám định: Anh P nhận chịu toàn bộ chi phí giám định, anh P đã nộp đủ số tiền trên cho Công ty TNHH C.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M: Xác định anh Bùi Văn P, sinh ngày 25/9/1985. Địa chỉ: Thôn C, xã K, Thành phố Hải Phòng là cha đẻ của cháu Phan Tùng A, sinh ngày 04/8/2025 (*Theo giấy chứng sinh do bệnh viện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/8/2025*)

2. Về án phí: Chị Phan Thị M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh P, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

NGUYỄN MINH ĐỨC